

**TAND HUYỆN S**  
**TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HS-ST  
Ngày 22-11-2017

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Doãn Đức Hà

Bà Lê Thị Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:**

Bà Lê Thị Nguyệt Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý 14/2017/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

**Nguyễn Đình D** - sinh năm: 1982; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hoá: 11/12; Con ông Nguyễn Đình V và bà Phạm Thị O; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: ngày 30/8/2017; tạm giam: ngày 08/9/2017; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bị cáo Nguyễn Đình D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 30/8/2017 Nguyễn Tuấn A (sinh năm 1974) gặp Hoàng Văn T (sinh năm 1978) cùng ở phường S, thành phố Thanh Hóa. Tuấn A rủ T góp tiền mua ma túy về sử dụng. T đồng ý và đưa cho Tuấn A 200.000đ, Tuấn A có 900.000đ, tổng được số tiền 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng). Sau đó Tuấn A gọi điện cho Nguyễn Đình D hỏi mua 1.100.000đ ma túy hồng phiến. Nguyễn Đình D nói có việc xuống thành phố Thanh Hóa, Tuấn A hẹn gặp D tại quán phở M thị trấn T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa để mua bán ma túy. Sau đó Tuấn A và T bắt xe bus lên quán phở M, Tuấn A vào trong ngồi đợi còn T đứng đợi ở ngoài cửa.

Nguyễn Đình D đang ở nhà sau khi nghe điện thoại của Tuấn A hỏi mua ma túy đã lấy gói giấy màu trắng bên trong có túi ni lon đựng 08 (tám) viên ma túy để trong tủ ở nhà và rủ anh Ngô Mạnh H (sinh năm 1993) ở xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa đang chơi ở nhà D đi xuống thành phố Thanh Hóa để mua đồ về sửa xe máy. Anh H đồng ý, sau đó D dùng xe máy BKS 36B4 – 902.83 điều khiển chở anh H đi. Khoảng 18 giờ khi đến quán phở M, D nói anh H vào ăn tối rồi đi. Vào trong quán D thấy

Tuấn A đang ngồi nên đã đi lại ngồi bên cạnh. Sau đó Tuấn A đưa cho D số tiền 1.100.000đ, D cầm tiền bỏ vào túi quần và lấy gói giấy màu trắng đựng 08 (tám) viên ma túy hình trụ màu đỏ đưa cho Tuấn A thì bị tổ công tác phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thanh Hóa phát hiện bắt quả tang. Thu giữ của Tuấn A 08 viên hồng phiến. Thu giữ của D gồm số tiền 1.100.000đ; 01 điện thoại di động Nokia 1280; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng OPPO; 01 xe mô tô BKS 36B4 – 902.83; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đình D.

Tại bản kết luận giám định số 1952 ngày 03/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận 08 (tám) viên nén hình trụ màu đỏ mà D bán cho Tuấn A là ma túy, có trọng lượng 0,808 gam (không phải tám không tám gam) loại: Methamphetamine.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đình D khai nhận số ma túy D bán cho Tuấn A là khoảng tháng 02/2017 D được một người tên là TL không rõ tên thật và địa chỉ cho, do không muốn sử dụng nữa nên D đã bán số ma túy trên cho Tuấn A lấy tiền tiêu sài. Quá trình điều tra không xác định được đối tượng đã cho D ma túy nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Nguyễn Tuấn A và Hoàng Văn T mua ma túy của D với mục đích để sử dụng, số lượng ma túy chưa đủ mức truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định xử lý hành chính đối với Tuấn A và T.

Trong quá trình điều tra thể hiện D không biết việc T và Tuấn A góp tiền mua ma túy chung. Chỉ có Tuấn A gọi điện hỏi mua ma túy và thực hiện việc mua bán ma túy với D, còn T đứng ở ngoài cửa. Sau khi bị bắt D mới biết việc T và Tuấn A góp tiền mua ma túy chung. Vì vậy xác định D chỉ có hành vi bán trái phép ma túy cho một người là Tuấn A. Đối với anh Ngô Mạnh H là người đi cùng D, quá trình điều tra xác định anh H không biết việc D bán ma túy cho Tuấn A nên không xem xét xử lý.

Quá trình điều tra làm rõ chiếc xe mô tô BKS 36B4 – 902.83 là phương tiện D dùng điều khiển đi bán ma túy có giấy đăng ký xe đứng tên D nhưng D đã bán lại cho em trai là Nguyễn Đình C, ở xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa từ tháng 4 năm 2017 (có giấy tờ mua bán xe) nên xác định đây là tài sản của Nguyễn Đình C. Vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện S đã trả lại chiếc xe cho anh C.

Đối với chiếc điện thoại di động Nokia 1280 quá trình điều tra xác định là chiếc điện thoại D dùng để liên lạc mua bán trái phép ma túy với Tuấn A. Còn chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng OPPO quá trình điều tra cho thấy đây là chiếc điện thoại D dùng vào việc liên lạc với bạn bè, không sử dụng để liên lạc mua bán ma túy. D đã ủy quyền cho vợ là chị Nguyễn Thị H, ở xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nhận lại tài sản. Vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện S đã trả lại chiếc điện thoại di động OPPO cùng với 01 (một) chứng minh nhân dân của Nguyễn Đình D cho chị Nguyễn Thị H.

- Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS -MT ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố Nguyễn Đình D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 BLHS.

Theo kết luận giám định số 2308/MT-PC54, ngày 06/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận giám định hàm lượng Methamphetamine có trong 0,808g là 13,95%.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999; xử phạt Nguyễn Đình D từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù. Tịch thu tiêu hủy ma túy sau giám định; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.100.000đ và 01 điện thoại di động Nokia; bị cáo phải nộp án phí HSST.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì với đại diện VKS. Lời sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Thấy đủ cơ sở chứng minh: Khoảng 18 giờ ngày 30/8/2017, tại quán phở M số thị trấn T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa, tổ công tác phòng CSĐTTP về ma túy Công an tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang Nguyễn Đình D bán trái phép 01 gói ma túy với giá 1.100.000đ cho Nguyễn Tuấn A. Qua giám định gói ma túy trên có trọng lượng 0,808 gam loại: Methamphetamine; hàm lượng Methamphetamine có trong 0,808g là 13,95% (trọng lượng là 0,112716g Methamphetamine). Do vậy, VKSND huyện S truy tố bị cáo như trên là đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Nguyễn Đình D có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS.

Tính chất vụ án: Tội phạm về ma túy là rất nguy hiểm. Vì ma túy gây tác hại đến sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phá vỡ hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, ma túy còn là một trong những nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác và gây lan truyền căn bệnh HIV/AIDS. Mặc dù bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng do xem thường pháp luật, bị cáo đã bán ma túy nhằm thu lời bất hợp pháp.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an chung, cần phải xử lý nghiêm minh.

Với tính chất của vụ án thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi áp dụng hình phạt cần căn cứ điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ một phần TNHS cho bị cáo, vì tại các cơ quan pháp luật bị cáo thành khẩn khai báo.

Vật chứng: Đối với gói ma túy thu của Tuấn A được niêm phong bằng phong bì thư là vật nhà nước cấm lưu hành, sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy. Số tiền 1.100.000đ và 01 điện thoại Nokia màu đen 1280 thu của bị cáo là tiền do phạm tội mà có và là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Căn cứ khoản 1, điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 của BLTTHS.

Bị cáo mua bán ma túy với trọng lượng nhỏ nên không phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo phải nộp án phí HSST theo qui định của pháp luật.

Vì các lý do trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Đình D phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

**Áp dụng:** Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999.

**Xử phạt:** Nguyễn Đình D 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 30/8/2017.

**Áp dụng:** Khoản 1, Điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76; Điều 99 BLTTHS. Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tịch thu để tiêu hủy toàn bộ số ma túy sau giám định được niêm phong bằng phong bì thư của phòng kỹ thuật hình sự và chữ ký của Nguyễn Trần Đăng, Đào Thị Thu Thủy và Lưu Bình Nguyên. (Số ma túy trên đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2017).

Tịch thu số tiền 1.100.000đ và 01 điện thoại Nokia màu đen 1280 của bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

(Số tiền và điện thoại trên đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/10/2017).

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Lê Thị Thủy**